



厨 房

chúfáng · trù phòng · nhà bếp

chú

一 厂 尸 尸 后 后 后 后 后 厨 厨 厨

厨 厨 厨 厨

fáng

丶 丿 宀 户 户 户 房 房

房 房 房 房